

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU T
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2025

V/v Tranh chấp Ly hôn và yêu cầu chia tài
chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn
nhân.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cái Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Thái Văn Lộc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thuỳ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh:** Bà Trần Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 682/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 10 năm 2024 về “Tranh chấp Ly hôn và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04A/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn P, sinh năm 1974; trú tại: Tổ H, ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978; trú tại: Tổ H, ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Văn L, sinh năm 1995; trú tại: Tổ H, ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1997; trú tại: Tổ H, ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Ông P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Y vắng mặt không lý do. Anh L, chị L vắng mặt có đơn xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 14-10-2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Văn P trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì bà Y bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay không về, gia đình đã tìm kiếm và đã đăng lên các phương tiện thông tin nhưng không có tin tức. Có yêu cầu Toà án tuyên bố mất tích đối với bà Y theo Quyết định số: 31/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị , sinh năm 1978 mất tích từ ngày 10-3-2021. Việc bà Y bỏ nhà ra đi trong thời gian dài không về nhà, không quan tâm đến gia đình con cái và tình cảm của vợ chồng đến nay không còn nên ông P xin ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh năm 1995 và Lê Thị L, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm các tài sản sau:

- Phần đất có diện tích 1567,8m² (trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1157,8m²), thửa đất số 73, tờ bản đồ số 50, đất toạ lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00831/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích 48,2m² (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 74, tờ bản đồ số 50, đất toạ lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00832/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu Thành cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích 736,6m² (đất trồng lúa nước), thửa đất số 242, tờ bản đồ số 50, đất toạ lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00777/QĐ 386/2013 do UBND huyện Châu Thành cấp cho ông P bà Y ngày 11-6-2013.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng ông Phước thống nhất theo giá Hội đồng đã định. Yêu cầu chia theo pháp luật, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản.

Về nợ chung : Không có

** Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Y không đến Tòa, không có lời trình bày, vắng mặt không lý do. Không có lời khai tại Tòa.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Anh Lê Văn L và chị Lê Thị L là con ruột của ông P và bà Y. Anh, chị thống nhất trình bày mẹ của anh chị đã bỏ nhà ra đi không tin tức và đã được Tòa án tuyên bố mất tích như ông P là ba của anh chị trình bày. Việc xin ly hôn của ba mẹ anh chị không ý kiến, riêng về tài sản chung của ba mẹ trong thời kỳ hôn nhân thì thống nhất theo ý kiến ông P, riêng phần tài sản được chia cho mẹ thì anh chị thống nhất giao cho anh Lành quản lý sử dụng thay mẹ (bà Y). Ngoài ra anh chị không ý kiến nào khác.

Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56, 59 và Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn P đối với bà Nguyễn Thị Y.

Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh năm 1995 và Lê Thị L, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tài sản chung của ông P bà Y gồm:

- Phần đất có diện tích 1567,8m² (trong đó đất ở nông thôn 400m², đất trồng cây lâu năm 1157,8m²), thửa đất số 73, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00831/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích 48,2m² (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 74, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy

chứng QSDĐ số vào sổ: CH00832/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích 736,6m² (đất trồng lúa nước), thửa đất số 242, tờ bản đồ số 50, đất toạ lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00777/QĐ 386/2013 do UBND huyện Châu Thành cấp cho ông P bà Y ngày 11-6-2013.

Ông P yêu cầu chia đôi mỗi người được hưởng một nửa tài sản trên. Chấp nhận yêu cầu của ông Phước, tài sản trên chia đôi theo hiện vật. Bà Y mất tích nên phần tài sản là quyền sử dụng đất được chia cho bà Y giao cho anh L là con chung ông P bà Y trực tiếp quản lý sử dụng.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 66 Bộ luật Dân sự 2015.

Ông P phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

Ông P phải chịu án phí chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định

Anh L phải có nghĩa vụ chịu án phí của người quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú là bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông P, anh L, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Y mất tích vắng mặt không lý do, Tòa án đã niêm yết, tổng đạt hợp lệ cho bà Y. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông P, bà Y, anh L, chị L theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông P và bà Nguyễn Thị Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại UBND xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2021 thì bà Y bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay không về, gia đình đã tìm kiếm và đã đăng lên các phương tiện thông tin nhưng không có tin tức. Có yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà Y theo Quyết định số: 31/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh về việc tuyên bố bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1978 mất tích từ ngày 10-3-2021. Việc bà Y bỏ nhà ra đi trong thời gian dài không về nhà, không quan tâm đến gia đình con cái và tình cảm của vợ chồng đến nay không còn nên ông P xin ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông P và bà Y là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây

Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Vợ chồng chung sống với nhau cần có sự giúp nhau, chia sẻ, đồng cảm, quan tâm chăm sóc, thương yêu và cùng có trách nhiệm với gia đình, con chung. Trong mối quan hệ vợ chồng của ông P bà Y không còn sự đồng hành, không hạnh phúc. Bà Y đã bỏ đi từ năm 2021 đến nay và đã được Toà án tuyên bố mất tích, không còn cuộc sống chung vợ chồng, không hạnh phúc. Hiện ông P không còn tình cảm với bà Y, không thể hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng nên yêu cầu xin ly hôn của ông P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh năm 1995 và Lê Thị L, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Ông P yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung của vợ chồng gồm:

- Phần đất có diện tích $1567,8m^2$ (trong đó đất ở nông thôn $400m^2$, đất trồng cây lâu năm $1157,8m^2$), thửa đất số 73, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00831/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích $48,2m^2$ (đất trồng cây lâu năm), thửa đất số 74, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00832/002604.CL.VP* do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 08-8-2013.

- Phần đất có diện tích $736,6m^2$ (đất trồng lúa nước), thửa đất số 242, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, theo giấy chứng QSDĐ số vào sổ: CH00777/QĐ 386/2013 do UBND huyện Châu T cấp cho ông P bà Y ngày 11-6-2013.

Tài sản trên đất là căn nhà cũ xây cấp 4 và cây trồng trên đất ông Phước không tranh chấp và không yêu cầu Toà án giải quyết, cây trồng trên đất ai được chia thì được hưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ba phần đất trên nằm liền kề nhau, theo sơ đồ hiện trạng thửa đất số: 9037/SĐ-HT ngày 16-12-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh – Chi nhánh Châu T đo vẽ thể hiện tổng diện tích đất được cấp cho ông P bà Y là $2352.6m^2$ (gồm $1567,8m^2$, thửa đất số 73; $48,2m^2$, thửa đất số 74; $736,6m^2$, thửa đất số 242). Trong đó thửa đất số 73 có đất ở nông thôn là $400m^2$, ông P chỉ yêu cầu chia đôi phần diện tích đất của thửa này với diện tích $48,2m^2$ thuộc thửa đất số 74 do liền kề giáp ranh, phần đất còn lại của thửa 73 và nguyên

thửa 242 đồng ý giao cho bà Y, yêu cầu này của ông P là phù hợp không vượt quá $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng khi chia theo quy định nên chấp nhận yêu cầu này của ông P là phù hợp. Do bà Y hiện đã được Toà án tuyên bố mất tích, căn nhà nằm trên phần đất được chia cho bà Y, hiện anh L là con đang sinh sống trên căn nhà này, anh L, chị L thống nhất giao phần tài sản chung được chia cho bà Y cho anh L trực tiếp, quản lý sử dụng là phù hợp nên cần chấp nhận.

Tài sản chung được chia như sau:

Ông P được hưởng phần diện tích tổng cộng là 806,0m² tại thửa số 74 và 01 phần thửa số 73, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Y được hưởng diện tích tổng cộng là 1.546,6m² tại thửa số 242 và 01 phần thửa 73, tờ bản đồ số 50, đất tọa lạc tại ấp Tân L xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Tài sản trên đất và căn nhà ông P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông P phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án và phải chịu án phí sơ thẩm dân sự chia tài sản chung theo quy định.

Căn cứ vào Điều 66 Bộ luật Dân sự năm 2015, anh Lành phải có nghĩa vụ chịu án phí của người quản lý tài sản của người vắng mặt tại nơi cư trú là bà Yên.

Án phí chia tài sản được tính như sau:

Căn cứ vào biên bản định giá ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng định giá:

Ông P được chia diện tích còn lại của thửa 74 là 48,2m², theo giá Hội đồng định là 25.000.000 đồng/1 mét ngang, diện tích đất này là hình tam giác nên được tính: $(3,11m \times 25.000.000 \text{ đồng}) : 2 = 38.875.000 \text{ đồng}$; thửa 73 ông P được hưởng (chiều ngang mặt tiền 10,9m + ngang mặt hậu 12m) : 2 = 11,045m x 30.000.000 đồng thành 331.350.000 đồng. Tổng số tiền ông P được hưởng từ chia tài sản của vợ chồng là 331.350.000 đồng + 38.875.000 đồng thành 370.225.000 đồng, án phí phải chịu là 18.511.000 đồng làm tròn.

Bà Y được chia 01 phần thửa đất số 73 có (chiều ngang mặt tiền 12,85m + chiều ngang mặt hậu 8,86m) : 2 = 10,85m theo giá Hội đồng định là 30.000.000 đồng/1 mét

ngang thành tiền 325.650.000 đồng; thửa đất số 242 bà Y được chia là 736,6m², giá Hội đồng định là 120.000 đồng/1m² thành 88.392.000 đồng. Tổng số tiền bà Y được chia tài sản là 325.650.000 đồng + 88.392.000 đồng là 414.042.000 đồng, án phí phải chịu là 20.561.600 đồng làm tròn. Do tạm giao tài sản được chia cho bà Y cho anh L trực tiếp quản lý sử dụng nên căn cứ theo quy định tại điều 66 Bộ luật Dân sự thì anh L có trách nhiệm chịu nộp phần án trên cho bà Y là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 33, 38, 56, 59 và 62 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Văn P đối bà Nguyễn Thị Y. Ông Lê Văn P được ly hôn với bà Nguyễn Thị Y.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Văn L, sinh năm 1995 và Lê Thị L, sinh năm 1997. Con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Tài sản chung được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị Y được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 810,0m² (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới là 141,2m²; diện tích đất hành lang bảo vệ nguồn nước là 164,9m²), thuộc 01 phần thửa 73, tờ bản đồ số 50 và diện tích đất 736,6m² (trong đó diện tích đất hành lang bảo vệ nguồn nước 593,3m²), thuộc thửa số 242, tờ bản đồ số 50, có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa 243 dài 7,18m; 4,48m; hướng Tây giáp thửa 73 được chia cho ông Phước dài 72,17m; hướng Nam giáp rạch Nàng Dinh dài 8,86m, 19,10m, 17,58m, 17,21m; hướng Bắc giáp đường nhựa dài 12,85m. Tạm giao tài sản trên cho anh Nguyễn Văn L trực tiếp quản lý sử dụng.

- Ông Nguyễn Văn P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 806,0m² (trong đó diện tích quy hoạch lộ giới 148,9m², diện tích hành lang bảo vệ nguồn nước là 2,4m²; diện tích thuộc thửa số 74 là 48,2m², diện tích thuộc 01 phần thửa 73 là 757,8m²), có tứ cận như sau: Hướng Đông giáp thửa số 73 còn lại dài 72,17m; hướng Tây giáp thửa 255 dài 64,26m; hướng Nam giáp thửa số 95 dài 12m; hướng Bắc giáp đường dài 3,11m, 10,09m

Phần đất bà Y được chia nằm trong một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 829364, số vào sổ CH00831/002604.CL.VP* được UBND huyện Châu T cấp ngày 08 tháng 8 năm 2013 cho ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Y và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 863176, số vào sổ CH00777/QĐ 386/2013 được UBND huyện Châu T cấp ngày 11 tháng 6 năm 2013 cho ông Lê Văn Phước và bà Nguyễn Thị Y, đất tọa lạc tại ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Tạm thời giao tài sản trên cho anh Lê Văn L trực tiếp quản lý sử dụng.

Phần đất ông Phước được chia nằm trong một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 829364, số vào sổ CH00831/002604.CL.VP* được UBND huyện Châu T cấp ngày 08 tháng 8 năm 2013 cho ông Lê Văn P và bà Nguyễn Thị Y và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BN 829365, số vào sổ CH00832/002604.CL.VP* được UBND huyện Châu T cấp ngày 08 tháng 8 năm 2013 cho ông Lê Văn Phước và bà Nguyễn Thị Y, đất tọa lạc tại ấp Tân L, xã Biên G, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Ông P, bà Y cùng có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với diện tích đất và tứ cận được giao trên.

Ghi nhận căn nhà tường cũ xây cấp 4 trên phần đất được chia cho bà Y và cây trái trên đất ông P, bà Y được chia không tranh chấp.

2. Về án phí và xử lý tiền tạm ứng án phí:

Ông Lê Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình và 18.511.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung, tổng số tiền án phí ông P phải chịu là 18.811.000 (mười tám triệu tám trăm mười một ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông P đã nộp 3.425.000 (ba triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0010023 ngày 22 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh. Ông P còn phải nộp thêm 15.386.000 (mười lăm triệu ba trăm tám mươi sáu ngàn) đồng.

Bà Y phải chịu 20.561.600 (hai mươi triệu năm trăm sáu mươi một ngàn sáu trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản. Anh L phải chịu nộp thay số tiền trên cho bà Y theo quy định.

3. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá: Ông P tự nguyện chịu nộp số tiền 8.788.000 (tám triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn) đồng. Ghi nhận ông P đã nộp xong.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu T;
- Chi cục THA DS huyện Châu T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (S).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Cái Thị Minh Tâm